

VÀI NÉT VỀ ĐẠO TỨ ÂN HIẾU NGHĨA Ở NAM BỘ

ĐINH VĂN HẠNH^(*)

1. Quá trình hình thành và phát triển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một đặc trưng của văn hoá Nam Bộ. Quá trình phát triển đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa gắn liền với quá trình di dân, khẩn hoang lập làng ở vùng đồng bằng Nam Bộ. Từ trước tới nay nhiều nhà nghiên cứu vẫn cho rằng Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một giáo phái Phật giáo, nhưng nó lại không phải là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bài viết của chúng tôi sẽ góp phần làm rõ thêm lịch sử hơn một trăm năm ra đời và tồn tại của tôn giáo địa phương này ở vùng đồng bằng Nam Bộ nói chung và ở một số làng xã vùng Thất Sơn (An Giang) nói riêng.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời ở vùng Châu Đốc do Ngô Lợi sáng lập. Ngô Lợi còn gọi là Năm Thiếp, sinh năm 1831, tại Bến Tre. Tháng 5/1867, Ngô Lợi chính thức truyền đạo và thu nhận tín đồ. Tên gọi của đạo là Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tháng 9/1870, Ngô Lợi thụ phong danh hiệu Đức Bổn Sư. Tháng 7/1872, ông cho cất ngôi chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa đầu tiên tại Bình Long. Từ đây, ông mở rộng việc truyền đạo ra khắp vùng. Đầu năm 1876, Ngô Lợi dẫn tín đồ vào núi Tượng vùng Thất Sơn "trảm thảo khai sơn" xây dựng xóm làng. Năm 1879 ông lập thôn An Định, *thánh địa của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Trong các năm tiếp theo nhiều làng mới khác cũng được thành lập tại vùng thung lũng giữa núi Tượng và núi Dài. Dân chúng trong vùng không quản ngại khó khăn, xa xôi đã tụ họp về núi Tượng khẩn hoang, học đạo rất đông. Ngô Lợi cho dựng nhiều ngôi chùa, đình, miếu...

tại núi Tượng. Trong vòng hơn chục năm, 26 ngôi chùa, đình, miếu đã được xây dựng cho tín đồ hành đạo, cúng lễ. Cùng với quá trình tổ chức khai hoang và ổn định cuộc sống, Ngô Lợi đẩy mạnh việc truyền đạo, tín đồ theo ông ngày một nhiều.

Sau 10 năm chính thức truyền đạo, thu nhận tín đồ, Đức Bổn Sư Ngô Lợi đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trên một địa bàn trải dài suốt miền Tây An Giang. Sự ra đời của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với việc thờ đối tượng đặc trưng của Bửu Sơn Kỳ Hương là *Trần Điều*, bộ lòng phải phát cho tín đồ tuy khác nhau nhưng trên Bùa đời có "Tứ bửu linh tự" *Bửu Sơn Kỳ Hương*... Chúng tỏ nguồn gốc mối quan hệ của hai tôn giáo này.

Đức tin Tứ Ân Hiếu Nghĩa được kế thừa từ quan niệm về ngày tận thế và Hội Long Hoa trong thời Hạ Nguyên của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vốn tiếp thu, ảnh hưởng từ Phật giáo. Điều mới mẻ trong quan niệm của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là lòng tin về *Hội Long Hoa* khai mở vào một ngày gần kề không diễn ra ở một nơi nào khác trên thế giới mà ngay tại núi Cấm - Thất Sơn Việt Nam, không đề cập tới cõi Niết Bàn và nội dung mang tính mạt thế luận.

Tôn chỉ của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là "Tu nhân học Phật". Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không đặt ra giới luật khắt khe và không có sự phân biệt, kiêng kỵ khác nhau giữa các vị chức sắc và tín đồ nói chung. Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa xem việc hạn chế sát sinh, cử ăn 12 con giáp như một thành tựu trên bước

*. TS, Sở VH TT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

đường tu nhân. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa quan niệm cả ba đạo Phật, Nho, Lão đều có cùng nguồn gốc, do đó tín đồ của đạo thờ cúng cả Phật - Thánh - Tiên. Ngoài ra, tín đồ phải thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, cách thức hành đạo, lễ nghi, cúng bái tại chùa, đình, miếu, Tam Bửu gia và ở nhà riêng theo quy định.

Khi chấp thuận thọ giáo, người muốn vào đạo phải gặp Đức Bổn Sư, ông Trò, ông Gánh để làm các thủ tục nhập đạo. Tín đồ thọ giáo với Trưởng gánh nào thì trở thành *Thân bằng* của gánh đó. Trưởng gánh phát cho tín đồ một bộ lòng phái, gồm năm tờ giấy có in chữ Hán và hình bùa với tên gọi: Lòng phái, Thế độ, Tiên sinh, Thái kiệt, Trần Điều và Bùa đời có chức năng khác nhau trong cuộc sống và lúc quá cố. Sau khi nhận Lòng phái, Trưởng gánh chỉ giáo và hướng dẫn nghi thức cúng lễ, bài trí bàn thờ tại gia... Nghi thức nhập đạo của Tứ Ân Hiếu Nghĩa so với Bửu Sơn Kỳ Hương phức tạp hơn, nhưng lại đơn giản so với Hoà Hảo. Lòng phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa có những điểm giống Hồng phái gia nhập Thiên Địa Hội của người Hoa ở Nam Bộ.

Giống như các tôn giáo khác, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng có những lời giáo huấn, câu nguyện, tiên tri do Đức Bổn Sư truyền dạy, chép thành từng cuốn hoặc được những ông Trò ghi lại lời Thấy bằng chữ Hán trên giấy bản khổ lớn, gọi là Kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Nội dung kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng được một số ông Trò, ông Gánh "cụ thể hoá" hoặc bổ sung theo dạng thơ *sấm văn* truyền ngôn, giản dị, dễ nhớ.

Kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa, theo nghiên cứu bước đầu của chúng tôi, có 24 bộ, phần ánh nhiều mặt, nhiều đối tượng, khá phong phú và đa dạng. Tên gọi các cuốn kinh phần ánh nội dung nổi bật của nó. 24 bộ kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa là: *Bà La Ni kinh, Linh sơn hội thượng kinh, Hiếu nghĩa kinh, Siêu thăng kinh, Phổ độ kinh, Thiên địa kim cương kinh, Ân chất chơn kinh, Hoàn sanh kinh, Hoàn hôn kinh, Bắc đẩu thất nguyên kinh, Kim cương thọ mạng kinh, Phật tiến thọ sanh*

kinh, Phật thiết thiên địa kinh, Ngọc Hoàng cốt tử chơn kinh, Phổ âm tịch cảm kinh, Siêu thăng phan đào kinh, Phổ độ phan đào kinh, Phật thiết phan chân kinh, Phật thiết cao vương kinh, Ngũ hồ kinh, Ngũ nhạc kinh, Ngũ công thiên đô kinh, Ngũ công cứu kiếp kinh, Ngũ công quan âm kinh...

Các nguyên lý của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa:

- *Tu nhân*: Là rèn sửa tâm tính, làm lành lánh dữ để tích đức, làm tốt mọi việc, sống tốt với mọi người, có ích cho đất nước, xã hội. Muốn tu nhân phải thực hiện *Tứ đại trọng ân*, tức đền trả bốn ân lớn: ân cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại. Ngoài ra muốn tu nhân còn phải *xử thế theo tinh thần Nho giáo*: Kính trời đất, trọng thân thánh, chuyên tâm thờ phụng tổ tiên, thảo hiếu với cha mẹ, giữ phép nước, trọng thầy, yêu mến anh em, giữ chữ tín với bạn, sống có nghĩa với bà con xóm giềng.

Quan niệm *tu nhân* của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa khác với quan niệm xuất gia tu hành. *Tu nhân là hoà nhập vào cuộc sống, rèn tâm sửa tính, vì thực tiễn cuộc sống. Ân đất nước* được nhấn mạnh đặc biệt, có ý nghĩa trong thời kì Tổ quốc bị ngoại xâm...

- *Học Phật*: Là học những điều Phật dạy và làm những điều Phật khuyên nhằm nhận thức được con đường đạt tới toàn chân, toàn mỹ, nâng cao hơn khả năng tu nhân. Điều kiện của học Phật là thực hiện *Thập nhị lệ sự* (12 điều tuân): Kính thiên địa, Lễ thân minh, Phụng tổ tiên, Hiếu song thân, Thủ vương pháp, Trọng sư trưởng, ái huynh đệ, Tín bằng hữu, Lục tôn tộc, Hoà hương lân, Biệt phu phụ và Giáo tử tôn. Tín đồ phải thành tâm thiện niệm *Lục tự di đà* và các bài kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Đức Bổn Sư soạn. Việc niệm lục tự A Di Đà và dùng pháp tay, pháp trường định tâm tưởng niệm là kế thừa phép tu Tịnh độ tông và Thiên tông Phật giáo. Nhưng không bao hàm và hội đủ nội dung các pháp môn đó của đạo Phật. So với Bửu Sơn Kỳ Hương, *học Phật* Tứ Ân Hiếu Nghĩa có nhiều điểm mới: Ngoài việc tưởng niệm danh hiệu Phật còn

thực hiện chuông, mõ, lân xâu chuỗi và đọc kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

- *Ấn, chú và rèn luyện Tinh, Khí, Thần*: Đây là những phương pháp nhằm giúp tín đồ đạt hiệu quả cao hơn trong việc đời và việc đạo. Phương pháp ấn, chú Tứ Ân Hiếu Nghĩa theo hình thức của Mật tông, nội dung là những câu mật chú, tay ấn do Đức Bổn Sư soạn ra. Việc luyện Tinh, Khí, Thần, Tứ Ân Hiếu Nghĩa kế thừa của Đạo giáo. Tinh, Khí, Thần, Ấn, Chú đòi hỏi tu luyện công phu, không đặt ra như một "pháp môn" quan yếu của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Với nguyên lí tu nhân học Phật và các phương pháp tu luyện khác như ấn, chú, rèn luyện Tinh, Khí, Thần, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một tôn giáo có các "Pháp môn" tu hành tổng hợp: Trì niệm và ấn, thần chú theo hình thức Tịnh độ, Thiên tông và Mật tông - *Phật giáo*; Xử sự theo *Nho giáo* và rèn luyện Tinh, Khí, Thần theo *Đạo giáo*. Các pháp môn đó thực hiện bởi tôn chỉ: Kính trọng chung Phật - Thánh - Tiên, xem Tam giáo có cùng một gốc.

Việc truyền đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa gắn liền với quá trình tuyên truyền, phổ biến quan niệm về tu nhân học Phật, nghi thức cúng lễ, tổ chức bàn thờ Tứ Ân Hiếu Nghĩa tới nông dân. Nhiều nội dung tu nhân học Phật được chuyển ý thành thơ, theo lối sấm văn, lời lẽ bình dị, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Bởi vậy, tinh thần đạo lí Tứ Ân Hiếu Nghĩa xâm nhập tự nhiên, rộng rãi trong nông dân, phổ biến trong giao tiếp và đặc biệt giáo dục trong gia đình.

Khi mới ra đời, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được truyền bá trong điều kiện chữa bệnh, nhất là lúc bệnh dịch hoành hành. Sau này, việc truyền đạo thực hiện rộng rãi trong quá trình khẩn hoang, xây dựng căn cứ chống Pháp... Hình thức đó phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và trình độ nông dân Nam Bộ lúc bấy giờ. Vì vậy nó được dễ dàng tiếp nhận và phổ biến khá rộng rãi.

Người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được tôn là *Đức Bổn Sư*. Ông gọi tín đồ là

Bá gia. Tín đồ gọi nhau là *Thân bằng*. Những cao đồ thường theo Đức Bổn Sư để phát huy ý tưởng, ghi chép lời truyền dạy gọi là *ông Trò*. Người được giao phận sự thay mặt Đức Bổn Sư trông nom việc đạo của một nhóm tín đồ gọi là ông Gánh - thấp hơn và thuộc lớp sau ông Trò. Sau khi Đức Bổn Sư qua đời, những người cùng học đạo hay thọ giáo với một cao đồ, hay một ông Gánh hình thành nên một đơn vị tập hợp tín đồ gọi là *Gánh*. Đứng đầu gánh là *Trưởng gánh*. Các Trưởng gánh là thành viên của *Hội đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Hội đạo không có Hội trưởng hay người đứng đầu. Các Trưởng gánh đều bình đẳng như nhau về quyền lợi và nghĩa vụ của đạo. Chúc sắc *Trưởng gánh do cha truyền con nối*. Dưới Trưởng gánh có *Thông tín, Cư sĩ* và *Thủ lễ* giúp việc theo chức năng, nhiệm vụ. Họ được Trưởng gánh đề cử và làm lễ nhậm chức tại chùa Tam Bửu sau khi Hội đạo đồng ý. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 24 gánh phân bố khắp vùng Thất Sơn (An Giang).

Cơ cấu tổ chức của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa khá đơn giản nhưng chặt chẽ, phù hợp với điều kiện hình thành và phát triển. Hàng chức sắc không nhiều, việc phong tặng mang nặng ảnh hưởng của quan hệ gia tộc, dòng họ.

Sự phát triển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cuối thế kỉ XIX gắn với sự ra đời của một số làng xã ở vùng Thất Sơn có ý nghĩa xã hội đặc biệt. Nó đã tạo ra khả năng tập hợp những người nông dân mất ruộng, nghĩa quân thất trận trong các phong trào chống Pháp hồi cuối thế kỉ XIX, gây ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá, tinh thần, tâm linh của một bộ phận nông dân và tạo tiền đề cho sự phát triển của tôn giáo này ở một số địa phương theo hình thức: Khai hoang lập làng gắn với truyền đạo...

Những năm cuối cùng của thế kỉ XIX, do sự truy lùng và kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp, một số ông Gánh đã rời Thất Sơn toả về nhiều nơi. Họ dựng chùa, truyền đạo, bổ sung thêm một số quan niệm và cúng lễ theo cách riêng của mình làm nảy sinh biến thái.

Như vậy, từ đầu thế kỉ XX, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tồn tại hai hệ thống. Một hệ thống được duy trì và phát triển ở các làng An Định, An Hoà - Ba Chúc, An Thành - Lương Phi, An Lập - Lê Trì, Vĩnh Gia, Lạc Quối... vùng Thất Sơn. Và, một hệ thống Tứ Ân Hiếu Nghĩa thứ hai với những biến thái đặc sắc, có nhiều tác động mọi mặt với tín đồ nơi đó.

Ở những nơi mà *các ông Đạo đi cứu đời, chữa bệnh phương xa* đến như Giang Thành, Kiên Lương - Kiên Giang; Long Hồ, Bình Minh - Vĩnh Long; Chợ Lách, Mỏ Cày - Bến Tre; Cái Bè - Tiền Giang; Sa Đéc, Hồng Ngự, Cao Lãnh - Đồng Tháp; Tân Phú - An Giang; Phụng Hiệp - Cần Thơ; Cầu Kè, Châu Thành - Trà Vinh; Núi Nứa (Long Sơn, Bà Rịa - Vũng Tàu)... đều hình thành các nhóm tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Các cao đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đi truyền đạo như ông Trần (về Núi Nứa, Long Sơn), Bà Năm Dội (về An Phú), Ông Sư (về cù lao Ông Hổ, An Giang)... đã tạo ra những biến thái. Biến thái ở An Phú và cù lao Ông Hổ nổi bật với sự giám bốt đáng kể các đối tượng thờ cúng, trong khi biến thái ở vùng Núi Nứa thể hiện ngay trong đạo lí, nghi thức hành lễ. Điều lí thú là, trong khi một số lễ tục của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở vùng Thất Sơn biến đổi theo thời gian, thì ở Núi Nứa, những tập tục ấy vẫn được bảo tồn. Hình thức, cơ cấu tổ chức cũng có sự thay đổi theo hướng đơn giản hơn. Biến thái của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa theo hai chiều bảo tồn và canh tân ở Núi Nứa - Long Sơn là một đặc trưng của Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt: Chế độ phong kiến suy tàn, nhân dân lầm than khổ cực, mảnh đất mà những người dân tha phương khai phá gây dựng nên đang bị thực dân Pháp xâm lược. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa chính là một "phương thuốc" cứu thế của một bộ phận nông dân Nam Bộ. Nhiều người cho rằng khái niệm Tận thế và Hội Long Hoa là ẩn dụ về ngày tàn của thực dân và ngày độc lập của dân tộc Việt Nam. Nguyên lí Tứ ân

được nhấn mạnh nhằm khơi gợi lòng yêu nước tự hào về nòi giống, kêu gọi mọi người đứng lên chống giặc ngoại xâm để đền ơn đất nước, bảo vệ thành quả của cha ông.

Phong trào chống Pháp của những người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là *phong trào yêu nước của công dân đối với Tổ quốc*. Tính chất của nó không phải là một phong trào mang màu sắc tôn giáo hoặc nằm trong quỹ đạo của *phong trào tôn giáo cứu thế* như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định.

Từ 1954-1975, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thu hút đông đảo tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa tích cực tham gia, "*ân tử tiên ông bà và đất nước*" được họ đồng lòng "*đền trả*" theo một tinh thần mới.

Trong kháng chiến chống Mỹ các làng đạo ở vùng Thất Sơn lập được nhiều chiến công, góp phần vào sự nghiệp giải phóng quê hương. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, các xã Ba Chúc, Lương Phi, Lê Trì, Vĩnh Gia, Lạc Quối, Long Sơn (có số tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa chiếm từ 50-90% số dân trong xã) đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều huân chương cao quý khác. Đó là niềm tự hào của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa nói riêng và của nông dân Nam Bộ nói chung.

2. Chùa, đình, miếu, Tam bửu gia, bàn thờ tại nhà riêng và những đặc trưng trong sinh hoạt tôn giáo của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

- *Ngôi chùa*: Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa tập trung nhiều nhất ở Thất Sơn, xây dựng từ thế kỉ XIX và rải rác ở các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu... Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa là danh từ phổ biến chỉ *nơi thờ tự các đối tượng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa không dành cho một số tín đồ có chức sắc thoát li gia đình tới ở và tu đạo.

Nhìn chung, về hình dáng, kiểu thức bố trí, chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa chịu ảnh hưởng

của phái tu tiên và những ý tưởng của Lão - Trang. Chùa thường dựng theo kiểu "*Bát quái*" hoặc "*Tứ tượng*", mái thẳng, ít nhiều chịu ảnh hưởng từ việc xây cất nơi thờ tự của Phật giáo Tiểu thừa cũng như lối kiến trúc chùa miếu của người Hoa sống trên cùng một địa bàn...

Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa bài trí rất nhiều bàn thờ. Các bàn thờ đều có cấu trúc như nhau, gồm hai phần *Tiên nghi* và *Hậu tự*. Tiên nghi đặt đôi chân đèn, lư hương, bình hoa. Hậu tự dùng để cúng phẩm. Bàn thờ không có hình ảnh hay cốt tượng. Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa có những bàn thờ các đối tượng: Mộc trụ thân quan, Thổ trạch Long thân, Chánh đức thiên la thân (ngoài trời), Tả mạng thân, Hữu mạng quan (ở cửa), Bàn thờ Thánh, Tây phương cực lạc, Trần Điều, Quan Công, Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ, Cửu huyền thất tổ bên nội - ngoại bá tánh, Tiên tẩn lễ nhạc, Hậu tẩn lễ nhạc (chánh điện), Thập nhị tổ sư kỹ nghệ, Tam giáo hoả lâu (Hậu điện)... ở chùa Tam Bửu có thêm các bàn thờ Phật vương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Ngôi long đình, bàn thờ Phật Tây An, Đức Bổn Sư, Phật Trùm. Chùa Phi Lai có thêm bàn thờ Thiên hoàng, Địa hoàng, Tứ đại thân châu, Ngũ hành, v.v... Việc trông nom chùa được giao cho một người quản tự.

Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa gắn gũi với *điện thờ hơn là nơi tu hành*. Các đối tượng thờ cúng đa dạng, phong phú, vừa thể hiện nội dung tam giáo Phật - Thánh - Tiên, vừa mang các yếu tố của tín ngưỡng dân gian. Tổ chức sinh hoạt của chùa có nhiều nét đặc biệt.

- *Đình, miếu của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa* vốn là nơi thờ cúng các đối tượng tín ngưỡng của làng. Đình, miếu không phải là nét riêng của bất cứ tôn giáo nào. Tuy nhiên, đối với các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Thất Sơn, một số đối tượng tôn thờ của đạo, nghi thức cúng lễ, sinh hoạt của đình, miếu đã hoà nhập và trở thành một bộ phận trong hoạt động tôn giáo, do các Trưởng gánh thực hiện. Bàn thờ của đình,

miếu cũng cấu trúc tiên nghi, hậu tự và bài trí như ở chùa.

Trong quá trình khai hoang lập làng, Đức Bổn Sư đã cho dựng bốn ngôi đình ở bốn làng mới theo lối tiên đình hậu tự. Bởi vậy, sinh hoạt chùa - đình gắn bó chặt chẽ với nhau. Đình có kiến trúc tương tự chùa. Cả bốn ngôi đình đều thờ chung *Tứ vị linh thần*. So sánh sự thờ phụng của đình Nam Bộ với vài ba chục đối tượng thuộc nhiều nhóm khác nhau thì đình các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có đối tượng thờ ít hơn, không có đối tượng thờ thuộc tín ngưỡng dân gian. *Tứ vị linh thần* không phải là đối tượng phổ biến của đình Nam Bộ. Bàn thờ *Trăm quan đàng cựa* đề cao anh hùng nghĩa sĩ vì nước là một nét đặc biệt. Cách bài trí bàn thờ của đình cũng ảnh hưởng bởi kiểu bài trí bàn thờ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, giản dị, không có ngai, long vị...

Các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa vùng Thất Sơn có rất nhiều miếu, kiến trúc theo lối *Tứ tượng*. Mỗi miếu thờ một đối tượng chính nhất định bên cạnh nhiều đối tượng khác giống nhau - từ tên gọi đến cách bài trí bàn thờ. Sân miếu thờ Mộc trụ thân quan, Chánh đức thiên la thân và Thổ trạch long thân. Chính điện thờ: Tiên, Hậu hiền, Trăm quan đàng cựa, Tả ban, Hữu ban và các đối tượng thờ chính của mỗi miếu như: Bà Cố Hỷ, Sơn thân ngũ nhạc, Quang nhạc tôn thân, Vạn bang ngũ hành, Tiên sư, Bà Chúa Xứ... Các đối tượng được thờ trong miếu cũng là một số đối tượng thờ của chùa, đình. Những vị "Chánh thân" của miếu thuộc tín ngưỡng dân gian. Điểm đặc biệt của miếu các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là sự có mặt của bàn thờ Trăm quan đàng cựa, còn *cách bài trí bàn thờ và đối tượng thờ giống nhau ở tất cả các miếu*.

- *Tam Bửu gia của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa*: Làng có Tam Bửu tự, gánh có Tam Bửu gia là cách sắp xếp của Đức Bổn Sư. Tam Bửu gia là *phủ thờ của gánh* đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thường được xây dựng gần nhà Trưởng gánh hoặc vùng đất có nhiều

gia đình thuộc dòng họ *Trưởng* gánh cư trú. Tam Bửu gia làm theo kiểu nhà "bánh ít", lợp lá, vách đất.

Tam Bửu gia có các bàn thờ: Chánh đức thiên la thân, Thổ trạch long thân (ở sân), Tả mạng thân, Hữu mạng quan (ở cửa), bàn thờ chư vị, Tây phương cực lạc, Đức Bổn Sư, Cửu huyền thất tổ bên nội, bên ngoại của dòng họ *Trưởng* gánh; Cửu huyền thất tổ bên nội, ngoại của bá tánh trong gánh, bàn thờ Thánh (ở nhà trước), bàn thờ Tam giáo hoá lâu (ở nhà sau)...

Thực chất Tam Bửu gia là nhà thờ họ của dòng tộc *Trưởng* gánh, tổ chức, sinh hoạt theo tinh thần Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Vì vậy, nó là nét đặc sắc trong quan hệ làng - họ - tôn giáo. Ở Việt Nam tồn tại nhiều tôn giáo, có những tôn giáo cả làng, cả họ tin theo nhưng chưa thấy có tôn giáo nào xâm nhập và chi phối sâu sắc vào quan hệ dòng tộc, làng xóm như đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

- Bàn thờ tại nhà riêng tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa: Đặc trưng hành đạo của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa là thờ phụng, cúng lễ nên bàn thờ tại gia được tổ chức trang trọng có cấu tạo tiền nghi hậu tự và bài trí như ở chùa. Nhà tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa có tới 11 bàn thờ. Trước sân nhà có bàn thờ hai tầng, thờ Chánh đức thiên la thân và Thổ trạch long thân. Hai bên cửa có hai bàn thờ Tả mạng thân và Hữu mạng quan. Trong nhà thờ: Tây phương cực lạc, Trần Điều, Quan Công, Thập vương, Cửu thiên huyền nữ, Cửu huyền thất tổ bên chồng, Cửu huyền thất tổ bên vợ, Tam giáo hoá lâu. Riêng nhà Trưởng gánh, Cư sĩ, Thông tín có thêm bàn thờ Thánh. Khi bạn bè tới thăm nhà thường xá lạy trước bàn thờ giữa nhà xem như chào ra mắt. Lúc ra về cũng thực hiện lễ nghi tương tự.

- Lễ tục của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa: Do phải đền trả *Tứ ân* và tu nhân học Phật nên đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có rất nhiều đối tượng để thờ cúng và thường xuyên thực hiện nhiều loại cúng lễ tại nhà riêng, Tam Bửu gia, đình, miếu, chùa. Cúng lễ Tứ Ân

Hiếu Nghĩa rất nhiều loại, vừa đơn giản vì cúng vật không cầu kì, cách thức tiến hành nhiều lễ hội có các bước giống nhau, vừa phức tạp do thực hiện nhiều nghi thức, từ cách lạy đến các bước tiến hành, nhiều lễ hội kéo dài hai, ba ngày.

Lạy là một nghi thức quan trọng của cúng lễ, biểu lộ hành động của tín đồ với đối tượng được phụng bái và thể hiện quan niệm đạo lí. Khác với cách lạy của Phật giáo và Hoà Hảo, động tác lạy của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa tượng trưng cho tinh thần đoàn kết, lòng kính trọng đối với "mười phương Phật", Thiên - Địa - Nhân. Trong mỗi cúng lễ tại chùa, tín đồ đều phải lạy hết các bàn thờ với hơn 100 lạy. Lạy xong, tín đồ phải *Nguyện hương chú*.

Mỗi hội lễ và cúng lễ diễn ra trong nhiều ngày với những bước khác nhau: *cúng Tràng phan, cúng Tiên, cúng Khai kinh, cúng Ngọ khuya, cúng Ngọ chánh, cúng Hoà nam bế lễ*. Các ngày lễ Vía có thêm bước lễ *Triêm ngưỡng, lễ Lục cúng*. Lễ Lục cúng Tứ Ân Hiếu Nghĩa có nhiều điểm tương tự nghi thức lễ lục cúng ở triều đình nhà Nguyễn, mà điều này không phải là phổ biến trong cúng lễ ở Nam Bộ. Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa thường dùng các loại sớ, điệp khác nhau trong cúng lễ.

+ Lễ chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa: Là nơi thờ tự quan trọng, chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa diễn ra rất nhiều lễ: Quán tự và hai cư sĩ thay phiên cúng lễ hai lần trong ngày vào lúc 6 giờ và 18 giờ; Hàng tháng có thêm ba lễ *Vía thường*, nhằm vào các ngày 9, 19, 29 Âm lịch. Cúng phẩm gồm dẽo (xôi), ngọt (chè), trái cây do *chủ phiên* - một tín đồ được phân công đóng góp mang tới, thực hiện.

Hàng năm chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa có rất nhiều lễ lớn, thu hút hàng ngàn người tham dự: Tháng Giêng có sáu lễ: Chánh Đán (ngày 2-3), *Ra mắt* (ngày 7), *Ngọc Hoàng* (ngày 9), *Thập nhị công nghệ* (ngày 12-13), *Thượng nguyên* (ngày 14, 15 và 16), *Khai kinh đầu năm* (ngày 24). Tháng 3 có hai lễ: *Vía Phật Trùm* (ngày 12-13), *Thái Dương*

(ngày 19). Tháng 4 có hai lễ: *Vía Phật Thích Ca Đản sanh* (ngày 8), *Phật Vương* (ngày 23-24). Tháng 5 có hai lễ lớn trùng ngày là lễ *sinh nhật Đức Bổn Sư và Doan Ngộ* (ngày 5). Tháng 6 có lễ *Vía Tam giáo hoá lâu* (hay ngày 11 và 12). Tháng 7 : Lễ *Trung Nguyên* (ngày 14-15). Tháng 8 có ba lễ: *Phật Táo* (ngày 3), *Vía Phật Thầy Tây An* (ngày 12-13), *Vía Thái Ân* (Rằm Tháng 8, Tết Trung Thu). Tháng 9 có một lễ lớn: *Trùng Cửu* (ngày 9). Tháng 10 có ba lễ lớn liên tiếp nhau: *Vía Niết Bàn* (ngày 8), *Vía Tổ* (ngày 12-13), *Hạ Nguyên* (ngày 14-15 và 16). Tháng Chạp có ba lễ: *Chư Thiên* (ngày 23), *Hoàn Kinh* (ngày 24), *Rước Chư Thiên* (ngày Tất niên).

+ *Lễ đình, miếu của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa*: ở đình, mỗi năm có hai lễ vào dịp Tết Nguyên Đán là lễ Dựng nêu rước Chư thiên và Hạ nêu, nghi thức cúng lễ như ở chùa. Ngoài ra còn hai lễ lớn khác là lễ *Kỳ yên* và *Lạp miếu* (hay Chạp đình). Lịch lễ Kỳ yên ấn định tuần tự trong tháng Giêng, liên nhau tại bốn làng: An Định ngày 19 - 20, An Hoà ngày 21 - 22, An Thành ngày 23 - 24, An Lập ngày 25 - 26. Lễ Lạp miếu diễn ra trong tháng 11 Âm lịch cũng theo tuần tự như trên mỗi làng 2 ngày từ mùng 9 đến 16. Nghi thức Kỳ yên, Lạp miếu cơ bản giống nhau với các bước cúng lễ: Thỉnh Sắc, Cúng Tiên, Khai Kinh, Lục Cúng, Ngộ Khuya. Trong khi cúng người ta cũng đọc số điệp và kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa như ở chùa.

So với sinh hoạt và nghi thức cúng lễ ở các đình làng Nam Bộ, đình của các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có nhiều điểm khác: Số lễ ít hơn, các bước tiến hành không giống nhau, cúng phẩm là những con heo, gà làm bằng bột. Nghi thức cúng lễ ở đình chịu ảnh hưởng của nghi thức cúng lễ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, chúng giao hòa, khó phân biệt ranh giới giữa tín ngưỡng dân gian và tôn giáo.

Miếu các làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa vùng Thất Sơn, ngoài việc cúng lễ hương,

hoa, dâng thường nhật, hàng năm mỗi miếu đều có một ngày lễ lớn, gọi là lễ Cầu an được tổ chức long trọng, thu hút nhiều người tham dự. Nghi thức, cúng phẩm, các bước lễ cầu an ở miếu đều giống nhau: cúng Thượng tràng phan, Thỉnh sắc, cúng Tiên, cúng Khai kinh, Lễ dâng lục cúng, cúng Ngộ khuya, Hoà nam lễ tất. Điểm khác nhau của lễ cầu an giữa các miếu là nội dung bài sớ cúng vị thần của miếu. Ở bốn làng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa vùng Thất Sơn, lễ cầu an dường như tháng nào cũng có, vì số lượng miếu rất nhiều...

+ *Lễ Tam Bửu gia của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa*: Là nơi thờ tự riêng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm tùy theo lịch lễ mà Tam Bửu gia tiến hành các nghi thức cúng lễ như ở chùa, nhưng do người trong Gánh thực hiện.

Tam Bửu gia có ba lễ lớn riêng: *Lễ hội Bửu đại* (tổ chức hai lần vào ngày 5/5 và ngày tất niên Âm lịch) và *Lễ giỗ ông bà trong Gánh* (hay đối kị, vào một ngày do thành viên trong gánh chọn). Mỗi lễ hội diễn ra một ngày, nghi thức giống nhau. Cúng Chánh Ngộ là bước lễ quan trọng nhất. Cúng lễ ở Tam Bửu gia mang tính chất kị giỗ, hiếu nghĩa với tổ tiên, ông bà, đồng đạo và biểu lộ đoàn kết trong Gánh. Tính chất đó thể hiện sự gần gũi giữa Tam Bửu gia với *nhà thờ họ* của người Việt nói chung.

+ *Cúng lễ tại nhà tiêng của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa*: Nhà riêng tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng có nhiều cúng lễ. Hàng ngày cúng lễ hai lần: Sáng cúng lễ Thái Dương, hoàng hôn cúng lễ Thái âm. Gia chủ chỉ dâng hương, nước, dâng, quỳ lạy trước các bàn thờ. Hàng tháng và trong năm theo lịch lễ như ở chùa, nhà riêng tín đồ cúng lễ trọng thể hơn. Bàn thờ thường có thêm ngũ quả, hoa, dĩa, ngọt... Ngoài ra, mỗi gia đình đều có nhiều ngày cúng lễ Đối kị (giỗ ông bà, cha mẹ cả bên chồng lẫn bên vợ) và một ngày cúng lễ chung cho mọi vong linh trong họ qua nhiều thế hệ. Trước khi tiến hành lễ

này, gia chủ phải có khay trầu rượu tới chùa Tam Bửu xin phép và rước Trưởng gánh tới cúng giúp cho.

Không kể đến ảnh hưởng của tôn giáo, thì ngay trong việc thờ phụng tổ tiên, cúng lễ tại gia của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng có nhiều điểm khác với tục thờ cúng ông bà của người Việt nói chung.

- *Hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa*: Hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa có những điểm riêng so với phong tục nói chung.

Khi hai gia đình thuận ý cho con cái kết hôn, nhà trai tới nhà ông Gánh trình báo và nhờ xem ngày làm lễ *Giáp lời* và *Đám nói* (lễ Đại tân khoa). Người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cho rằng do tổ tiên phiêu bạt khắp nơi nên những người cùng tên họ không được lấy nhau. Sau lễ *Đám nói* một thời gian ngắn sẽ tiến hành lễ *Nạp tế*. Trước lễ *cưới* (Tiểu đăng khoa) vài ngày, cô dâu chú rể phải tới nhà ông Gánh mời ông làm chủ hôn và xin phép ông được ra trình lạy, cần báo *Thầy Tổ* tại chùa Tam Bửu. Lễ này có người gọi là *Phụ ngộ*. Sau lễ cưới ba ngày, cô dâu, chú rể về lại nhà vợ làm lễ *Phản bái*.

Như vậy, hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa diễn ra qua 6 bước, duy trì đầy đủ nghi thức riêng đến tận ngày nay. Các bước tiến hành, từ cách thức cúng lạy, vai trò của ông Gánh đến món ăn tiệc cưới đều bị ảnh hưởng của quy định sinh hoạt tôn giáo.

- *Táng tục*: Nếu bị bệnh nặng gia đình tín đồ nhờ ông Gánh cầu kinh ba đêm. Khi có người qua đời, người thân bưng khay trầu, cau, rượu tới trình báo với ông Gánh, sau đó tới chùa báo với *Thầy Tổ*. Việc xé tang, viết *bài khâm*, lập bàn thờ, *ép lòng phái*, *bùa chú* vào xác chết do ông Gánh và cư sĩ thực hiện. Trước khi liệm làm lễ *nhập mật*. Xác chế được kẹp bằng 7 hay 9 thanh tre (*Võng nội*) tùy theo nam hoặc nữ. Các thanh tre được buộc bằng ba dải vải trắng gọi là *Võng*

ngoại. Xác chết được trùm trong một tấm vải lớn may kín ba chiều gọi là *Khâm*, xem như quan tài, vì không dùng quan tài gỗ. Thông thường người chết được chôn trong vòng không quá 24 tiếng, trường hợp phải chờ người thân ở xa, có thể để tối đa 3 ngày. Sau khi chôn, thì *mở cửa mả* ngay.

Quan niệm không dùng quan tài, xác chết chôn trong đất theo truyền ngôn là của Đức Bổn Sư. Ông cho rằng con người sinh ra từ đất, nước, không khí, lửa do vậy khi chết phải hoàn trả về cho "tứ đại", giúp thân xác mau tiêu, linh hồn sớm siêu thoát. Mộ để phẳng, dùng đất trồng cây cối mau tươi tốt. Thời gian gần đây, tục chôn người chết không dùng quan tài ở vùng Thất Sơn không còn được tín đồ thực hiện. Tuy nhiên, ở vùng Núi Nứa, Long Sơn tục này vẫn duy trì. Để tránh đau khổ cho người thân người ta dùng *ba quan*, là quan tài dùng chung cho mọi người quá cố để khiêng xác chết đến huyệt...

- *Trang phục của tín đồ của Tứ Ân Hiếu Nghĩa*: Trang phục của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa không phân biệt chức sắc hay tín đồ, là trang phục cổ truyền của người Việt ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, được duy trì đến nay. Vì thế, nét riêng của trang phục Tứ Ân Hiếu Nghĩa chỉ gây chú ý từ đầu thế kỷ XX (sau phong trào Duy Tân) và các quá trình chuyển tiếp trong "cái mặc" của thời đại.

Bộ *bà ba đen* là trang phục truyền thống của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Mỗi tín đồ phải có tối thiểu một *cái khăn đóng* và một *chiếc áo dài đen* (may bằng vải thường) để mặc khi đi cúng lễ. Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa dù là đàn bà hay đàn ông cũng *không cắt tóc*, để mọc dài tự nhiên, búi lại sau gáy. Việc để tóc, râu là *chứng tỏ lòng hiếu thảo* với cha mẹ.

Điểm đặc biệt trong trang phục của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa từ áo quần cho đến việc để râu tóc không phải là nét riêng của sự sáng tạo trang phục của một tôn giáo mới mà là sự bảo lưu tập tục dân tộc, cho dù tập tục đó đã từng bị lên án (có lẽ đó là phản

ứng lại "văn minh phương Tây" của những người theo tôn giáo này). Sự duy trì đây bản lãnh ấy đã tạo ra nét riêng khi trang phục xã hội qua nhiều đổi thay...

- Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có một số ngôn từ riêng, được sử dụng phổ biến thay cho cụm từ, khái niệm phổ thông tương ứng trong tiếng Việt. Những ngôn từ này có thể do người lập đạo, ông Trò, ông Gánh hay dân gian đặt ra nhằm bộc lộ nội dung riêng theo tín ngưỡng, chỉ sự việc mới hoặc kiêng húy... mà người ngoài đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không có, không dùng hoặc không phổ biến. Có thể phân loại đặc ngữ Tứ Ân Hiếu Nghĩa theo nội dung phản ánh của khái niệm: chức sắc, cơ cấu tổ chức, kiêng húy, ngôn ngữ dùng riêng trong lễ tục và sinh hoạt thường nhật...

3. Một vài nhận xét:

- Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một tôn giáo ra đời sau, kế thừa Bửu Sơn Kỳ Hương nhưng giữa Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa có một số điểm giống nhau và nhiều mặt khác nhau. Giống nhau ở kế thừa những điểm căn bản của nguyên lí. Khác nhau ở hệ thống quan niệm trình bày trong kinh sách giáo lí riêng, ở nghi thức hành đạo, đối tượng thờ cúng, ở tổ chức tôn giáo, lối sống sinh hoạt của tín đồ và ngay tên gọi của đạo. Tứ Ân Hiếu Nghĩa không phải là giai đoạn phát triển sau của Bửu Sơn Kỳ Hương. Những điểm giống nhau chứng tỏ sự kế thừa của Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đồng thời nó đã phát triển nhiều nội dung mới hợp với đời sống tinh thần, tâm linh của một bộ phận nông dân Nam Bộ.

- Quan niệm đạo lí, đối tượng tôn thờ, nghi thức hành lễ, quan niệm về số phận con người trong và sau cuộc đời hiện tại v.v... là những căn cứ xác định Tứ Ân Hiếu Nghĩa không phải là giáo phái của một tôn giáo cụ thể nào có trước đó ở Việt Nam. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa

một số yếu tố của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, với ít nhiều tín ngưỡng dân gian, truyền thống... Quan điểm cho rằng Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một phong trào tôn giáo cứu thế chỉ có thể xem là một sự nhấn mạnh đặc điểm chung về nguồn gốc lịch sử của một số tôn giáo ra đời trong cùng một hoàn cảnh lịch sử nhất định giống nhau mà thôi. Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một tôn giáo địa phương.

- Đặc điểm nổi bật của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là khả năng tổng hợp, hoà đồng các hệ thống quan niệm cũng như các đối tượng thờ cúng của Phật, Nho, Đạo, tín ngưỡng dân gian, truyền thống tạo nên sự phong phú, thăng bằng trong đời sống tinh thần và tâm linh của nông dân Nam Bộ. Sự tổng hợp đó còn mang tính hình thức nhưng có sự chọn lọc và có điều kiện nhằm "hoá giải" mọi độc tôn của cư dân vùng đất mới. Quan niệm đạo lí giản dị, không xuất phát từ suy luận, ảnh hưởng đạo lí truyền thống của dân tộc. Hệ thống tổ chức, phong tặng chức sắc mang nặng ảnh hưởng quan hệ gia tộc và làng xã nông thôn...

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa kế thừa nhiều yếu tố của các tôn giáo và tín ngưỡng, vì vậy những yếu tố văn hoá mới của một tôn giáo mới chưa đủ sức phá vỡ nền tảng văn hoá - tôn giáo vốn bền vững của các dân tộc khác, địa bàn khác, không có cùng điều kiện nên nó chỉ tồn tại trong phạm vi người Việt ở Nam Bộ.

- Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã đóng vai trò nhất định trong việc thoả mãn nhu cầu đời sống tinh thần và tâm linh cũng như trong đời sống văn hoá - xã hội của một bộ phận nông dân. Vai trò tích cực của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã được khẳng định trong việc chữa bệnh, khẩn hoang lập làng và chống giặc ngoại xâm... Những hạn chế chủ yếu của nó là: Quan hệ gia tộc, dòng họ ăn sâu trong quan niệm và sinh hoạt của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là điều kiện làm nảy sinh tư tưởng bản vị và cục bộ dòng họ. Cúng lễ diễn ra quanh năm làm mất khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt cộng đồng./.